TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2025
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Nhã Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Điệp

2. Ông Lê Đình Thủ

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký viên

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Bích T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: số B, tổ G, ấp C, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Võ Văn C**, sinh năm 1977

Địa chỉ: số A, tổ D, ấp D, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn chị Phạm Thị Bích T trình bày:

Chị Phạm Thị Bích T và anh Võ Văn C chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số: 176/2002, cấp ngày 10 tháng 11 năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và có 02 người con chung. Thời gian sau thì cuộc sống hôn nhân đã có nhiều thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã càng nhiều. Anh C thường hay chửi mắng, đuổi chị T ra khỏi nhà. Vì nghĩ đến các con nên chị T nhiều lần tha thứ, hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống với anh C nhưng chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn được như trước, không còn yêu thương, chăm lo, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Anh C đã đuổi chị T ra khỏi nhà từ giữa năm 2024 cho đến nay. Chị T nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn để sống hạnh phúc với nhau được, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Văn C.

- Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung Võ Thị Phương A, sinh ngày 09/7/2004 và Võ Thị Vân A1, sinh ngày 01/12/2013. Hiện các con đang sống với anh C. Khi ly hôn chị T thống nhất để anh C nuôi Võ Thị Vân A1, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Võ Thị Phương A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Võ Văn C trình bày:

Anh Võ Văn C với chị Phạm Thị Bích T chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số: 176/2002, cấp ngày 10 tháng 11 năm 2002. Vợ chồng chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn đúng như lời trình bày của chị T. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T thì trước đây anh C không đồng ý vì anh C muốn hàn gắn tình cảm để cùng chị T nuôi dạy con cái. Tại phiên tòa anh C thừa nhận giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn chung sống 02 năm nay, nay anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Chị T và anh C có có 02 con chung Võ Thị Phương A, sinh ngày 09/7/2004 và Võ Thị Vân A1, sinh ngày 01/12/2013 hiện đang sống với anh C. Khi ly hôn anh C yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Võ Thị Vân A1, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Riêng Võ Thị Phương A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Căn cước công dân chị Phạm Thị Bích T và anh Võ Văn C (bản photo), Giấy chứng nhận kết hôn của chị Phạm Thị Bích T và anh Võ Văn C (bản sao), Giấy khai sinh Võ Thị Phương A và Võ Thị Vân A1 (bản sao), văn bản ý kiến của Võ Thị Vân A1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Bích T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn C, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn".*

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị Phạm Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị Bích T.

Về nội dung

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích T và anh Võ Văn C qua thời gian tìm hiểu, xây dựng tình cảm để tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2002 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị T yêu cầu ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với anh C, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh C đã không còn chung sống từ giữa năm 2024 cho đến nay, không thể hàn gắn tình cảm, điều này cũng được phía anh C thừa nhận, nay anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Như vậy, có căn cứ nhận định mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị T trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Võ Thị Vân A1, sinh ngày 01/12/2013 hiện đang sống với anh C. Khi ly hôn chị T thống nhất để anh C nuôi Võ Thị Vân A1, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Anh C thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng Võ Thị Vân A1, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Võ Thị Phương A, sinh năm 2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, hiện nay cháu Vân A1 sống với anh C đang phát triển và được chăm sóc tốt, đồng thời hai cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với anh C. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu nên chị T và anh C thống nhất anh C được quyền tiếp tục nuôi cháu Vân A1, anh C cũng không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Võ Thị Vân A1. Về cấp dưỡng nuôi con anh C không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Võ Thị Phương A, sinh năm 2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, riêng anh C không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T trình bày không có, riêng anh C không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0003869 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Bích T.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích T được ly hôn với anh Võ Văn C.

- Về con chung: Anh Võ Văn C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Võ Thị Vân A1, sinh ngày 01/12/2013. Anh C không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Võ Thị Phương A, sinh năm 2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0003869 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Bình Hàng Trung;
- Lưu: hồ sơ vụ án (Q)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Phan Thị Nhã Quyên